

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 25-02-2022

V/v: Ly hôn giữa chị H và anh L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu
Ông Mai Anh Tuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thu Phương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:

Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2021/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản chung khi ly hôn”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/HNGĐ-ST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện M- tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2021/QĐ-PT ngày 30/12/2021 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Trần Thị H- Sinh năm 1982

ĐKHKTT: Thôn B- xã M1- huyện M- tỉnh Nam Định

Hiện trú tại: Số nhà 25 tổ 02 đường T- phường T- thành phố L- tỉnh Lai Châu

+ Bị đơn: Anh Bùi Thế L- Sinh năm 1974

ĐKHKTT: Thôn B- xã M1- huyện M- tỉnh Nam Định

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông V, sinh năm 1974

ĐKHKTT: Thôn H- xã M1- huyện M- tỉnh Nam Định

Nơi ở hiện nay: Số 9/131 T1- phường L1- TP Nam Định

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Q, sinh năm 1952;

2. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1955;

Đều cư trú tại: Số nhà 25 tổ 02 đường T- phường T- thành phố L- tỉnh Lai Châu

3. Bà Ng1, sinh năm 1980;

4. Bà N, sinh năm 1965.

Đều cư trú tại: Thôn B- xã M1- huyện M- tỉnh Nam Định

5. Ông C, sinh năm 1960;

6. Bùi Thị Ng2, sinh năm 1965;

Đều cư trú tại: Thôn L- xã M1- huyện M- tỉnh Nam Định

+ Người kháng cáo: Bị đơn anh Bùi Thế L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Chị Trần Thị H trình bày:

Chị H và Anh Bùi Thế L tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 12-10-2015 tại Ủy ban nhân dân xã M1- huyện M- tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống giữa chị H và anh L xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh L không chung thủy, có hành vi bạo lực gia đình. Mặt khác con riêng của anh L có hành vi xúc phạm chị H. Nay chị H nhận thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mgiải quyết cho được ly hôn với anh Bùi Thế L.

Về con chung: Chị H và anh L không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh L không có.

Tuy nhiên, sau khi kết hôn chị H và anh L được bố mẹ đẻ của chị H là vợ chồng Ông Q Bà Nguyễn Thị Ng đã cho mượn nhà và đất tại khu vực C- D để ở tạm. Sau khi ly hôn chị H đề nghị anh L trả lại nhà và đất cho bố mẹ chị là Ông Q và Bà Nguyễn Thị Ng.

+ Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn là Anh Bùi Thế L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L nhất trí với thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn như chị H đã trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, thời gian vợ chồng chung sống cùng nhau không nhiều và do bất đồng về quan điểm sống nên anh và chị H không tìm được tiếng nói chung. Nay chị H đề nghị ly hôn anh L đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh L và chị H không có con chung.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống anh và chị H có tài sản chung là một ngôi nhà cấp 4 lợp mái tôn mặt đường C- Dkhoảng 50m² được xây dựng trên diện tích đất hơn 80m² đất mua của chị Bùi Thị Ng và anh Lê Văn L ở thôn B- xã M1- huyện M- tỉnh Nam Định với giá 520.000.000 đồng. Giá trị hiện tại của cả nhà và đất khoảng 500.000.000 đồng. Anh L đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng và anh L đề nghị được ở lại ngôi nhà này vì anh L không còn chỗ ở nào khác. Nếu chị H không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày:

- Ông Q và vợ là Bà Nguyễn Thị Ng trình bày: Năm 2016, ông bà Q -Ng có mua một ngôi nhà cấp 4 lợp mái tôn của vợ chồng anh chị Bùi Thị Ng- Lê Văn Lợi với giá 520.000.000 đồng. Ngôi nhà được làm trên diện tích đất gồm hai mảnh đất, một mảnh có diện tích 35,35m² của Ông C và Bà Ng2, một mảnh đất có diện tích 52,8m² của Bà N. Khi mua bán có giấy tờ chuyển nhượng đất của bên mua bên bán và có chữ ký xác nhận của người làm chứng của bà Mai Thị Th và trưởng thôn là . Sau khi mua đất, nhà nói trên, chị H là con gái ông bà và anh L là con rể không có chỗ ở nên đã có ý kiến mượn nhà, đất để ở. Ông Q- Bà Ng đồng ý với điều kiện chị Hiền, anh L phải chung sống hòa thuận. Tuy nhiên trong thời gian chung sống chị Hiền, anh L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị H đã sống ly thân với anh L gần 01 năm và đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện M giải quyết ly hôn. Ông Q- Bà Ng nhận thấy cuộc sống chung giữa anh L và chị H không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã nhiều lần yêu cầu chị H và anh L trả lại đất và nhà nói trên nhưng anh L vẫn cố tình không trả lại nhà đất cho vợ chồng Ông Q- Bà Ng . Nay vợ chồng Ông Q- Bà Ng khởi kiện yêu cầu anh L trả lại nhà và đất cho Ông Q- Bà Ng .

- Chị Bùi Thị Ng1, Ông C, Bà Ng2, Bà N trình bày: Ông C và vợ là Bà Ng2, có hai mảnh đất nông nghiệp nằm liền kề nhau tại cánh đồng M1 ở thôn B- xã M1- huyện M- tỉnh Nam Định. Do không có nhu cầu sử dụng nên đã bán lại cho chị Bùi Thị Ng và anh Lê Văn L để chị Ng1 và anh L làm nhà ở. Cụ thể vợ chồng Ông C Bà Ng2 đã bán diện tích 35,35m² đất ruộng với giá 176.750.000 đồng. Bà N đã bán diện tích đất 52,8m² đất ruộng với giá 52.000.000 đồng. Năm 2016, chị Bùi Thị Ng và anh Lê Văn L đã bán lại diện tích đất 88,15m² đất và nhà cho Ông Q và Bà Nguyễn Thị Ng với giá 520.000.000 đồng nhưng trên thực tế lấy 500.000.000 đồng có làm giấy chuyển nhượng sử dụng nhà ở có chữ ký của vợ chồng chị Ng1, anh L và bà Mai Thị Th là người làm chứng về việc giao nhận tiền mua bán nhà đất trên vào ngày 28/9/2016 và có xác nhận của trưởng thôn là ông

Mai Đình T. Để thuận tiện cho việc sang tên làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo yêu cầu của Ông Q và Bà Nguyễn Thị Ng là mua bán với người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên vợ chồng Ông C Bà Ng2 đã làm giấy bán trực tiếp cho Ông Q và Bà Nguyễn Thị Ng ghi ngày 19/10/2014 và Bà N đã làm giấy bán trực tiếp cho Ông Q và Bà Nguyễn Thị Ng ghi ngày 29/10/2014. Nay Chị Bùi Thị Ng1, Ông C, Bà Ng2, Bà N khẳng định đã bán đất cho Ông Q và Bà Ng nên không có yêu cầu gì về việc mua bán này.

Từ nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/HNGĐ-ST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện M- tỉnh Nam Định, đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 157, Điều 164, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân; Điều 221, Điều 223 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Trần Thị H và anh Bùi Thế L.

2.1. Buộc Anh Bùi Thế L phải trả lại cho vợ chồng ông bà Trần Q - Nguyễn Thị Ng ngôi nhà khung cột bê tông cốt thép mái lợp tôn, tường gạch xây trên diện tích đất ruộng 35,35 m² thuộc một phần thửa số 189, tờ bản đồ số 25, thửa phụ số 08 và diện tích đất ruộng 52,8 m² thuộc một phần thửa số 189, tờ bản đồ số 25, thửa phụ số 11 tại cánh đồng M1 có vị trí giáp đường Tr ở thôn B- xã M1- huyện M- tỉnh Nam Định (có sơ đồ kèm theo).

2.2. Buộc vợ chồng ông bà Trần Q - Nguyễn Thị Ng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Anh Bùi Thế L số tiền 6.455.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 06/10/2021, bị đơn Anh Bùi Thế L có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng đất ruộng giữa ông bà Q -Ng với những người liên quan là vô hiệu, đồng thời phải xác định tài sản chung của anh L chị H là nhà đất mua của vợ chồng Chị Bùi Thị Ng1, khi vợ chồng ly hôn thì đề nghị phân chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập; các đương sự trong vụ án không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn và bị đơn trình bày, tranh luận về yêu cầu kháng cáo như sau:

Hiện nay tài sản của anh L và chị H còn 01 chiếc xe máy đăng ký mang tên anh L do chị H đang sử dụng mà không được Tòa án giải quyết.

Việc chuyển nhượng đất ruộng giữa vợ chồng ông bà Q -Ng với những người liên quan bằng giấy viết tay là vi phạm các quy định về quản lý đất đai của Nhà nước. Phiên tòa sơ thẩm không có mặt những người liên quan là bỏ sót người tham gia tố tụng. Việc chuyển nhượng ruộng đất phải có bìa đỏ thì mới có giá trị pháp lý, ông bà Q -Ng lại không phải là người địa phương nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại việc chuyển nhượng ruộng đất có đúng pháp luật không?

Giấy tờ mua bán ruộng đất tuy mang tên ông bà Q -Ng nhưng thực chất là do anh L đứng ra làm các thủ tục, nếu không có anh L thì chính quyền xã sẽ không xác nhận vào giấy mua bán. Trên cơ sở bản cam kết giữa anh L và chị H thì phải xác định nhà đất là tài sản chung của vợ chồng , khi vợ chồng ly hôn thì phải được chia theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là vợ chồng ông bà Trần Q - Nguyễn Thị Ng , đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của chị H tại phiên tòa phúc thẩm trình bày: Không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của anh Bùi Thế L, vì anh L và chị H kết hôn năm 2015, năm 2016 ông bà Q -Ng đã mua nhà đất của vợ chồng chị Ng1- Lợi với giá 500 triệu đồng, ông bà Q -Ng đã chuyển tiền về cho chị Ng1300 triệu, chuyển về theo đường bưu điện cho anh L 200 triệu để anh L rút ra đưa cho chị Ng1. Vì ông bà Q -Ng ở xa nên nhờ anh L chị H đứng ra làm thủ tục mua bán với chị Ng1- Lợi, nhưng giấy tờ mua bán vẫn mang tên ông bà Q - Ng. Sau khi mua xong ông bà Q -Ng cho vợ chồng L - H ở nhờ, nay vợ chồng L - H ly hôn thì ông bà Q -Ng yêu cầu anh L phải trả lại nhà đất cho ông bà.

+ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung kháng cáo: Nhận thấy việc mua bán nhà đất được thực hiện giao dịch giữa những người liên quan Cương - Ngân, Năm, Nga - Lợi với ông bà Q - Ng, giấy biên nhận mua bán nhà đất đều thể hiện người mua là ông bà Q - Ng.

Hiện nay giao dịch dân sự này đã được các bên xác định là đã thực hiện xong và không có tranh chấp. Không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện tài sản nhà đất tranh chấp là của , vì vậy kháng cáo của anh L đề nghị chi tài sản chung là nhà đất thôn B- xã M1- huyện M là không có căn cứ pháp lý.

Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Thế L, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của bị đơn Anh Bùi Thế L làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Bùi Thế L:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bảo đảm được quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự trong vụ án.

+ Về nội dung:

Chị Trần Thị H và Anh Bùi Thế L tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã M1- huyện M- tỉnh Nam Định vào năm 2015, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, hiện tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Tòa án sơ thẩm đã xử thuận tình ly hôn giữa Chị Trần Thị H và Anh Bùi Thế L là có căn cứ pháp lý, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng:

Quá trình tố tụng tại Tòa án, Chị Trần Thị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung. Anh Bùi Thế L lại trình bày vợ chồng có tài sản chung là ngôi nhà cấp 4 được làm trên thửa đất có diện tích khoảng hơn 80 m² có địa chỉ tại thôn B- xã M1- huyện M , vì vậy Anh Bùi Thế L kháng cáo đề nghị chia tài chung của vợ chồng. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vợ chồng ông bà Trần Q – Nguyễn Thị Ng thì xác định ngôi nhà cấp 4 được làm trên thửa đất có diện tích khoảng hơn 80 m² có địa chỉ tại thôn B- xã M1- huyện M là tài sản thuộc quyền sở hữu sử dụng của vợ chồng ông bà Q - Ng, do ông bà Q -Ng mua của Chị Bùi Thị Ng1, và sau đó đã để cho con gái Trần Thị H và con rể Bùi Thế L đến ở nhờ.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, căn cứ các tài liệu do các đương sự cung cấp và do cấp sơ thẩm đã đi xác minh thu thập, thì thấy ngôi nhà mà các đương sự tranh chấp là ngôi nhà cấp 4 được xây dựng trên diện tích thửa đất gồm 35,35 m² đất ruộng thuộc một phần thửa số 189 - tờ bản đồ số 25, thửa phụ số 08 là đất ruộng của vợ chồng Ông C - Bà Ng2; và 52,8 m² đất ruộng thuộc một phần thửa số 189 - tờ bản đồ số 25, thửa phụ số 11 là đất ruộng của Bà N. Cả hai diện tích đất ruộng nêu trên đã được vợ chồng chị Bùi Thị Ng- anh Lê Văn L mua lại vào năm 2014 và xây dựng ngôi nhà cấp 4 trên tổng diện tích đất đã mua.

Năm 2016, do không có nhu cầu sử dụng nên vợ chồng chị Bùi Thị Ng- anh Lê Văn L đã bán lại toàn bộ nhà đất cho vợ chồng ông bà Trần Q - Nguyễn Thị Ng .

Xét giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng nhà đất giữa chị Bùi Thị Ng và vợ chồng Ông Q - Nguyễn Thị Ng , thì thấy: Bên chuyển nhượng ghi là vợ chồng Ông C - Bà Ng2 và Bà N, bên nhận chuyển nhượng là vợ chồng ông bà Trần Q - Nguyễn Thị Ng . Lý do ghi tên bên chuyển nhượng là vợ chồng ông bà Trần Đức C - Bùi Thị Ng2 và Bà N đã được Chị Bùi Thị Ng1, Ông C, Bà Ng2, Bà N đều thống nhất trình bày: để thuận tiện cho việc sang tên làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và theo đề nghị của chị Ng1, ông Q, Bà Ng nên vợ chồng ông bà Trần Đức C - Bùi Thị Ng2 và Bà N đã viết giấy chuyển nhượng trực tiếp quyền sử dụng nhà đất cho vợ chồng ông bà Trần Q - Nguyễn Thị Ng .

Việc thanh toán giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng nhà đất, được chị Ng1, ông Q, Bà Ng trình bày thống nhất là ông bà Q -Ng chuyển vào tài khoản của chị Bùi Thị Ng 300 triệu đồng, gửi qua bưu điện cho Anh Bùi Thế L 200 triệu đồng để anh L đưa cho Chị Bùi Thị Ng1, sau đó chị Bùi Thị Ng đã viết giấy chuyển nhượng quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông bà Trần Q - Nguyễn Thị Ng với giá là 520 triệu đồng, nhưng trên thực tế hai bên chỉ phải thanh toán cho nhau với giá 500 triệu đồng. Hiện nay giữa chị Bùi Thị Ng và vợ chồng ông bà Trần Q - Nguyễn Thị Ng đã thanh toán đầy đủ số tiền theo thỏa thuận.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, Chị Bùi Thị Ng1, Ông C, Bà Ng2, Bà N đều khẳng định viết giấy chuyển nhượng quyền sử dụng nhà, đất trực tiếp cho vợ chồng ông bà Trần Q - Nguyễn Thị Ng , không viết giấy chuyển nhượng quyền sử dụng nhà, đất cho Anh Bùi Thế L- chị Trần Thị H . Chị Bùi Thị Ng khẳng định chị Ng1 giao dịch chuyển nhượng nhà, đất cho vợ chồng ông bà Q - Ng, không bán cho anh L và chị Hiền, anh L và chị H chỉ là người đứng ra giao dịch hộ ông bà Q -Ng vì ông bà Q -Ng ở Lai Châu không về trực tiếp giao dịch mua bán.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, Anh Bùi Thế Lkhông đưa ra được tài liệu chứng cứ nào thể hiện việc chị Bùi Thị Ngviết giấy giao dịch chuyển nhượng nhà, đất cho anh L và chị Hiền.

Như vậy, có căn cứ pháp lý thể hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sở hữu sử dụng ngôi nhà cấp 4 được xây dựng diện tích đất 88,15 m² tại thửa đất số 189, tờ bản đồ số 25, thửa phụ số 08 và số 11, có địa chỉ tại thôn B- xã M1- huyện Mlà giao dịch dân sự đã được thực hiện giữa vợ chồng chị Bùi Thị Ngvới vợ chồng ông bà Q - Ng.

Hiện nay Chị Bùi Thị Ng1, Ông C, Bà Ng2, Bà N, và vợ chồng ông bà Q - Ng đều khẳng định giao dịch dân sự đã được thực hiện xong, các bên không có tranh chấp, vì vậy có căn cứ pháp lý để xác định quyền sở hữu sử dụng của ông bà Trần Q - Nguyễn Thị Ng đối với ngôi nhà cấp 4 được xây dựng trên diện tích đất 88,15 m² tại thửa đất số 189, tờ bản đồ số 25, thửa phụ số 08 và số 11, có địa chỉ tại thôn B- xã M1- huyện M .

Anh Bùi Thế Lcho rằng 200 triệu đồng ông bà Q -Ng gửi về là để trả nợ cho anh L, tuy nhiên hiện nay anh L không đưa ra tài liệu chứng cứ nào thể hiện việc Ông Q- Bà Ng vay nợ anh L 200 triệu đồng. Mặt khác ông bà Q -Ng không thừa nhận về việc vay nợ anh L 200 triệu đồng, vì vậy không có đủ căn cứ pháp lý để xác định 200 triệu đồng ông bà Q -Ng gửi về là để trả nợ cho anh L.

Anh Bùi Thế Lcho rằng, giữa anh L chị Hcó bản cam kết thể hiện tài sản chung là nhà đất mua của chị Bùi Thị Ngnhung nhờ vợ chồng ông bà Trần Q - Nguyễn Thị Ng đứng tên. Xét thấy nội dung bản cam kết này do anh L và chị Htự thỏa thuận, đối tượng thỏa thuận đang là ngôi nhà thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông bà Q - Ng, mà không có sự đồng thuận thống nhất cùng ký tên vào bản cam kết của của ông bà Q - Ng; mặt khác quá trình tố tụng tại Tòa án ông bà Q - Ng cũng không nhất trí với nội dung bản cam kết; vì vậy thỏa thuận cam kết giữa anh L và chị Hlà không có căn cứ pháp lý.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy kháng cáo của Anh Bùi Thế L cho rằng ngôi nhà cấp 4 được xây dựng trên diện tích đất 88,15 m² tại thửa đất số 189, tờ bản đồ số 25, thửa phụ số 08 và số 11, có địa chỉ tại thôn B- xã M1- huyện Mlà tài sản chung của vợ chồng nên anh L đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, không có căn cứ pháp lý nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Anh Bùi Thế L còn kháng cáo yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là chiếc xe máy và đề nghị tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng đất ruộng giữa ông bà Q -Ng với những người liên quan là vô hiệu, tuy nhiên quá trình tố tụng tại cấp sơ

thẩm anh L không đưa ra những yêu cầu này nên cấp sơ thẩm không thụ lý giải quyết, vì vậy theo phạm vi xét xử phúc thẩm thì Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ không xem xét yêu cầu kháng cáo chia tài sản chung của vợ chồng là chiếc xe máy cũng như kháng cáo đề nghị tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng đất ruộng giữa ông bà Q - Ng với những người liên quan vô hiệu.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, Hội đồng phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Bùi Thế L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 157, Điều 164, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân; Điều 221, Điều 223 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2.1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Trần Thị H và anh Bùi Thế L.

2.2. Buộc Anh Bùi Thế L phải trả lại cho vợ chồng ông bà Trần Q - Nguyễn Thị Ng ngôi nhà khung cột bê tông cốt thép mái lợp tôn, tường gạch xây trên diện tích đất ruộng 35,35 m² thuộc một phần thửa số 189, tờ bản đồ số 25, thửa phụ số 08 và diện tích đất ruộng 52,8 m² thuộc một phần thửa số 189, tờ bản đồ số 25, thửa phụ số 11 tại cánh đồng M1 có vị trí giáp đường Tr ở thôn B- xã M1- huyện M- tỉnh Nam Định (có sơ đồ kèm theo).

2.3. Buộc vợ chồng ông bà Trần Q - Nguyễn Thị Ng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Anh Bùi Thế L số tiền 6.455.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Bùi Thế L phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh L đã nộp tại biên lai số 0003953 ngày 07-10-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M , xác định Anh Bùi Thế L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ND
- TAND huyện M ;
- Chi cục THADS huyện M ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, tòa DS.

Vũ Thị Mai Hương